

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 111/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hiến.

2. Ông Phan Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 162/8 đường Mạc Thiên Tích, khu phố I, phường PĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp BP, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị H với anh Hà Văn T do quen biết tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do khó khăn về kinh tế và bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra tranh cãi làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình, chị H đã nhiều lần hàn gắn với anh T nhưng không có kết quả, hiện anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H với anh T có 02 con chung tên Hà T K, sinh ngày 20/01/2013 và Hà T A, sinh ngày 09/02/2015, hiện 02 con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Tuy nhiên tại phiên tòa chị xin rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Hà Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đều thực hiện tuân theo pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về qua điểm giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận. Về con chung giao 02 con chung giao cho chị H nuôi dạy là hợp lý, còn phần cấp dưỡng chị H rút lại yêu cầu nên đình chỉ giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quá trình tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quá trình tố tụng về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo đơn kiện thì chị H xin ly hôn với anh T. Con chung có 02 con chung đang sống với chị H, chị H yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị H làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn hợp lệ.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng

dân sự. Tại phiên tòa chị H có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Phạm Thị Thanh H và anh Hà Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, chị H yêu cầu xin ly hôn với anh T, anh T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T thật sự đã đổ vỡ, nguyên nhân do vợ chồng thường hay cãi vã gây mất hạnh phúc gia đình, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mời anh T tham gia phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn, nhưng anh T cố tình vắng mặt, điều này thể hiện anh T không muốn đoàn tụ gia đình và vợ chồng đã sống ly thân gần 03 năm nay, điều này thể hiện anh T không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, vợ chồng không lo lắng và chăm sóc yêu đương lẫn nhau, do vậy việc chị H xin ly hôn với anh T là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Hà T K, sinh ngày 20/01/2013 và Hà T A, sinh ngày 09/02/2015, hiện 02 con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 02 con chung đang sống ổn định với chị H và được chị H chăm sóc tốt, nên xét giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dạy là hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa chị H rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đình chỉ giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội; số tiền án phí chị H phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010344 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 235, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh H đối với anh Hà Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Hà T K, sinh ngày 20/01/2013 và Hà T A, sinh ngày 09/02/2015 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T được quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Vì

lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa chị H rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đình chỉ giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010344 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị H đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAD tỉnh A GiAg;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu